

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Văn Trí;
 2. Ông Võ Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: số A, tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Hồ Văn S, sinh năm 1986; địa chỉ: số A, tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày, qua tìm hiểu, bà H và ông Hồ Văn S kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 15/11/2013. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có

sinh 01 con chung tên Hồ Minh T, sinh ngày 23/9/2013. Con chung đang được ông S nuôi dưỡng.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn. Ông S có đánh bà H ba lần vào năm 2019, 2020 và 2022. Bà H, ông S vẫn còn ở chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông S; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Về con chung, theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Minh T, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà H thay đổi ý kiến, đồng ý để ông S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà H không cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 191/2013, quyển số 02/2013 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 15/11/2013 cho bà Trần Thị H và ông Hồ Văn S (bản sao); Giấy khai sinh ngày 06/3/2014 do Ủy ban nhân dân xã H cấp cho Hồ Minh T (bản sao).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Văn S trình bày, thống nhất với ý kiến của bà H về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, con chung, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và việc ông S có 03 lần đánh bà H vào các năm 2019, 2020, 2022. Ông S, bà H còn ở chung nhà nhưng không quan tâm lẫn nhau. Do còn thương vợ, con nên ông S không đồng ý ly hôn với bà H; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Hồ Minh T, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông S chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông S hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm và ông S có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông S. Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án luôn tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng ông S không thiện chí. Vợ chồng không quan tâm lẫn nhau. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà H với ông S là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông S.

Về con chung, đề nghị chấp nhận ý kiến của bà H, ông S, giao cháu T cho ông S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; bà H không phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, không có nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông S; ông S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Hồ Minh T; bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn S. Đồng thời, ông S cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Hồ Văn S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà H và ông S tự nguyện kết hôn vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà H, ông S cùng xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống,

không thống nhất trong việc làm ăn. Ông S có đánh bà H 03 lần vào các năm 2019, 2020 và 2022.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà H và ông S thường xuyên cãi vã và ông S có đánh bà H 03 lần vào các năm 2019, 2020 và 2022. Mặc dù, còn ở chung nhà nhưng bà H, ông S không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà H, ông S là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H, ông S xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Hồ Minh T, sinh ngày 23/9/2013. Bà H, ông S thống nhất, ông S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; bà H không phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, sự thống nhất bà H, ông S về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung phù hợp với quy định phát luật và nguyện vọng của cháu Hồ Minh T tại biên bản ghi ý kiến ngày 25/3/2022 do cán bộ Tòa án lập. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T cho ông S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông S xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Hồ Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 191/2013, quyển số 02/2013, ngày 15/11/2013 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị H và ông Hồ Văn S không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Hồ Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Minh T, sinh ngày 23/9/2013. Bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Hồ Văn S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010322 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 3 năm 2022; bà Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Hồ Văn S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Hồ Văn S được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình